ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP
ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
*
Số -BC/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO
Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 08/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I về phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025-2030

Thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 08/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I về phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025-2030 *(sau đây gọi tắt là Nghị quyết 06-NQ/TU);* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh *(UBND tỉnh)* báo cáo tình hình triển khai thực hiện như sau:

I- CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, QUÁN TRIỆT

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 41-KH/ĐU ngày 12/02/2026 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 08/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I về phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025–2030, làm cơ sở để lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh; đồng thời, đã lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện và UBND tỉnh đã ban hành 08 kế hoạch[1].

Bên cạnh đó, nhằm bảo đảm việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU được đồng bộ, thống nhất, các sở, ban, ngành tỉnh đã ban hành 04 kế hoạch, đồng thời lồng ghép các nhiệm vụ được giao vào các đề án, kế hoạch phát

---

[1] (1) Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 10/3/2026 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 8/1/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I về phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025-2030; (2) Kế hoạch số 1395/KH-UBND ngày 10/9/2026 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 17/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa I về phát triển hạ tầng giao thông tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2026 – 2030; (3) Kế hoạch số 368/KH-UBND ngày 29/3/2026 của UBND tỉnh về nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 – 2030; (4) Kế hoạch số 1032/KH-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030; (5) Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030; (6) Kế hoạch số 351/KH-UBND ngày 26/3/2026 của UBND tỉnh về đánh giá trình độ, năng lực công nghệ và mức độ đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, cụm ngành chủ lực trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; (7) Kế hoạch số 1338/KH-UBND ngày 04/09/2026 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2026-2035, tầm nhìn đến 2050; (8) Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 23/01/2026 của UBND tỉnh về xúc tiến thương mại tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030.

triển ngành, chương trình có liên quan; UBND các xã, phường đã xây dựng 25 kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của từng địa phương. Qua đó, các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển công nghiệp từng bước được cụ thể hóa thành các nội dung, nhiệm vụ triển khai trong phạm vi quản lý của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo cơ sở cho công tác phối hợp tổ chức thực hiện, theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết trong giai đoạn 2025–2030.

Nhìn chung, công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU đã được quan tâm thực hiện thông qua việc ban hành các kế hoạch cụ thể hóa tại cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương. Nội dung triển khai cơ bản bám sát mục tiêu, định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh giai đoạn 2025–2030, bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc thúc đẩy phát triển công nghiệp trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh; chú trọng khai thác tiềm năng, lợi thế về nguồn nguyên liệu nông sản, thủy sản để phát triển công nghiệp chế biến, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, đồng thời quan tâm phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, tăng cường liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đây là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục phối hợp triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển công nghiệp của tỉnh trong thời gian tới.

II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu

1.1 Kết quả thực hiện mục tiêu

Qua 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, ngành công nghiệp tỉnh Đồng Tháp đã ghi nhận những chuyển biến tích cực, từng bước khẳng định vai trò trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tỉnh tập trung định hướng phát triển công nghiệp chế biến gắn với các vùng nguyên liệu sẵn có, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát huy lợi thế của địa phương; đồng thời, chú trọng đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng nâng cao chất lượng, ưu tiên thu hút các dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và có giá trị gia tăng cao. Bên cạnh đó, công tác quy hoạch, tổ chức không gian công nghiệp được cụ thể hóa trong phương án phát triển và bố trí không gian ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2050, thuộc nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt. Phương án định hướng phát triển công nghiệp gắn với lợi thế của từng khu vực, vùng nguyên liệu, hệ thống hạ tầng giao thông và logistics, tạo cơ sở cho việc thu hút đầu tư, phát triển các khu, cụm công nghiệp và nâng cao hiệu quả sử dụng không gian phát triển công nghiệp của tỉnh.

1.2 Kết quả thực các chỉ tiêu chủ yếu

- Tốc độ tăng trưởng GRDP công nghiệp (giá so sánh 2020): Trong 9 tháng đầu năm 2026 tăng 11,16%, ước cả năm 2026 tăng 13,31% (vượt chỉ tiêu phân kỳ 12,5%).

- GRDP công nghiệp (giá hiện hành): Duy trì đóng góp lớn vào quy mô kinh tế của tỉnh: 9 tháng đầu năm 2026 đạt 52.673,67 tỷ đồng, ước năm 2026 đạt 71.597,99 tỷ đồng (vượt so với phân kỳ 70.515 tỷ đồng).

- Tỷ trọng GRDP công nghiệp (giá hiện hành) trong cơ cấu kinh tế: Năm 2026 ước đạt 22,82% (vượt chỉ tiêu phân kỳ 21,63%), trong đó tỷ trọng GRDP công nghiệp chế biến, chế tạo (giá hiện hành) trong cơ cấu kinh tế ước đạt 21,52% (vượt chỉ tiêu phân kỳ 20,55%).

- Phát triển Cụm công nghiệp (CCN): Năm 2026, ước thành lập mới 02 cụm công nghiệp (vượt chỉ tiêu phân kỳ năm 2026: 1 CCN).

- Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm công nghiệp: Lũy kế 9 tháng năm 2026 đạt 7,585 tỷ USD, ước thực hiện cả năm 2026 đạt 10,00 tỷ USD (đạt chỉ tiêu phân kỳ 10 tỷ USD.

- Đưa Khu công nghiệp (KCN) mới đi vào hoạt động: theo tiến độ thực hiện tại Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh, trong năm 2026 chưa bố trí đưa KCN mới vào hoạt động. Đối với các KCN đang hoạt động, tỷ lệ lấp đầy ước đạt 93,14%, vượt mức 90% theo phân kỳ năm 2026.

- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp – dịch vụ năm 2026 ước đạt 67,6%, vượt chỉ tiêu phân kỳ đề ra là 64%.

- Đối với chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) và giá trị sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo (giá so sánh 2010), phương pháp tính toán trước đây sử dụng giá so sánh năm 2010, hiện được chuyển đổi sang giá so sánh năm 2020. Tuy nhiên, đến nay, ngành Thống kê chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp chuyển đổi. Do đó, các chỉ tiêu này đang được tính toán và sẽ được cập nhật sau khi có hướng dẫn của cơ quan thống kê có thẩm quyền.

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo).

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

2.1 Thống nhất về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội đối với công tác phát triển công nghiệp

Đảng ủy UBND tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 08/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 10/3/2026 của UBND tỉnh, gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và tình hình thực tế của địa phương. Nội dung tuyên truyền tập trung vào quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn

2025–2030; làm rõ vai trò của công nghiệp trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm, nâng cao giá trị sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Việc triển khai thực hiện được lồng ghép thông qua hoạt động chuyên môn, công tác thông tin, tuyên truyền và các chương trình, kế hoạch có liên quan của các cơ quan, đơn vị. Công tác tuyên truyền được triển khai thông qua định hướng thông tin trên báo chí, phát huy hiệu quả hệ thống thông tin cơ sở, tăng cường truyền thông trên môi trường số, lồng ghép nội dung phát triển công nghiệp trong các hội nghị giao ban báo chí định kỳ và định hướng tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã, phường. Bên cạnh đó, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Công văn số 1008/SVHTTDL-TTBCXB định hướng thông tin, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh trong Tuần 11 năm 2026.

Nhìn chung, công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, định hướng phát triển công nghiệp đã được quan tâm thực hiện, từng bước gắn với nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và hoạt động thông tin, tuyên truyền tại cơ sở. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về vị trí, vai trò của ngành công nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự đồng thuận và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp của tỉnh giai đoạn 2025 – 2030.

2.2 Phát triển công nghiệp gắn lợi thế từng hành lang kinh tế và các vùng công nghiệp trọng điểm

2.2.1 Tập trung phát triển công nghiệp gắn lợi thế từng hành lang kinh tế

Đảng ủy UBND tỉnh đã lãnh đạo UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và xây dựng Phương án phát triển, bố trí không gian ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua đó, từng bước cụ thể hóa định hướng phát triển công nghiệp theo lợi thế của từng hành lang kinh tế, gắn bố trí không gian công nghiệp với vùng nguyên liệu, hệ thống giao thông và logistics, làm cơ sở định hướng thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp phù hợp với tiềm năng, điều kiện của từng khu vực.

Trong đó, hành lang kinh tế trung tâm, dọc theo tuyến cao tốc và Quốc lộ 1, được định hướng là hành lang phát triển chủ đạo, kết nối vùng Đông Nam Bộ với vùng đồng bằng sông Cửu Long; ưu tiên phát triển công nghiệp đa ngành, công nghệ cao và hình thành các trung tâm logistics cấp vùng. Với lợi thế về mật độ dân cư, hạ tầng kỹ thuật – xã hội và khả năng kết nối liên vùng, hành lang này có điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, kết nối với Vùng công nghiệp Tân Phước và các khu vực lân cận. Hiện có Khu công nghiệp Long Giang với diện tích 540 ha, thu hút 64 dự án, tổng vốn đầu tư 60.068,27 tỷ đồng.

Hành lang kinh tế ven biển phía Đông, dọc theo tuyến đường bộ ven biển và Quốc lộ 50, được định hướng phát triển gắn với kinh tế biển, ưu tiên công nghiệp cảng biển, dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác và nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản mặn lợ, kho lạnh và vận tải ven biển; hành lang có tiềm năng kết nối với Vùng công nghiệp Gò Công, khu kinh tế ven biển và các tuyến hàng hải quốc tế, góp phần mở rộng không gian phát triển kinh tế hướng biển và nâng cao năng lực xuất khẩu. Hiện có 02 cụm công nghiệp Gia Thuận 1 và Gia Thuận 2 đã đi vào hoạt động, với tổng diện tích 138,5 ha; dự kiến năm 2026 thành lập mới 02 cụm công nghiệp Tân Đông và Gia Thuận 3.

Hành lang kinh tế dọc sông Tiền, từ biên giới đến cửa biển, phát huy lợi thế giao thông đường thủy và hệ thống sông ngòi, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản và logistics đường thủy; đồng thời, từng bước hình thành các điểm trung chuyển hàng hóa phù hợp, phục vụ thu gom, vận chuyển và phân phối nông sản từ các vùng nguyên liệu, góp phần giảm chi phí logistics và nâng cao giá trị sản phẩm.

Hành lang kinh tế nội địa kết nối vùng Đồng Tháp Mười, dọc theo Quốc lộ N1, N2 và Quốc lộ 30, gắn với vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, bảo đảm an ninh lương thực và giữ vai trò vùng đệm sinh thái quan trọng. Định hướng phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp sản xuất gắn với vùng nguyên liệu, hình thành các trung tâm chế biến và đầu mối nông sản cấp vùng. Hiện có 02 cụm công nghiệp Phú Cường và Trường Xuân, với tổng diện tích 107,6 ha, thu hút 07 dự án.

Hành lang kinh tế dọc sông Hậu phát triển dịch vụ logistics, kết nối với hệ thống cảng biển của vùng, gắn với công nghiệp chế biến và nghiên cứu phát triển công nghiệp đóng tàu phù hợp với lợi thế giao thông đường thủy. Hành lang này góp phần nâng cao năng lực vận tải thủy nội địa, hỗ trợ lưu thông hàng hóa, xuất khẩu thủy sản và vận chuyển hàng hóa khối lượng lớn, qua đó tăng cường kết nối giữa các vùng sản xuất với hệ thống logistics và thị trường tiêu thụ.

2.2.2 Phát triển công nghiệp gắn với các vùng công nghiệp, khu kinh tế

Đảng ủy UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh rà soát, xây dựng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh về phát triển các vùng công nghiệp, xác định vị trí, hạ tầng, danh mục ngành nghề kêu gọi đầu tư, phát huy tiềm năng, lợi thế từng vùng, cụ thể như sau**: (i)** Vùng công nghiệp dọc sông Tiền và sông Hậu có phạm vi gồm 01 phường và 10 xã, phát triển thành trung tâm chế biến nông, thủy sản gắn với hệ thống khu, cụm công nghiệp và logistics hiện đại, phát huy lợi thế giao thông thủy, liên kết với thành phố Cần Thơ; hiện có 02 KCN với 195,5 ha, thu hút 51 dự án, tổng vốn đầu tư 11.354,82 tỷ đồng và 05 CCN với 141,7 ha, thu hút 21 dự án**. (ii)** Vùng công nghiệp Gò Công có phạm vi gồm 02 xã (Gia Thuận, Tân Đông) và 01 phường (Sơn Qui), phát triển kinh tế biển, logistics, dịch vụ dầu khí, cảng, công

nghiệp chế biến - chế tạo, công nghệ cao; tập trung công nghiệp chế biến công nghệ cao, dược phẩm tại Bình Đông và logistics hàng hải, dịch vụ dầu khí, cảng năng lượng tại Soài Rạp, sông Tra, đang thực hiện thủ tục để hình thành 2 CCN (CCN Tân Đông, CCN Gia Thuận 3) và mở rộng 1 CCN (CCN Gia Thuận 1), thực hiện quy trình để kêu gọi đầu tư KCN Dịch vụ dầu khí Soài Rạp**.(iii)** Vùng công nghiệp Tân Phước có phạm vi gồm 03 xã (Hưng Thạnh, Tân Phước 1 và Tân Phước 3), trở thành vùng công nghiệp quy mô lớn, cực tăng trưởng mới của tỉnh, phát triển KCN đa ngành, công nghệ cao, chế biến, chế tạo và logistics; phát huy vai trò hạt nhân của KCN Long Giang và Đông Nam Tân Phước, từng bước hình thành chuỗi KCN, CCN vệ tinh, trung tâm logistics, kho bãi và đô thị công nghiệp. Ưu tiên các ngành chế biến nông, thủy sản, thực phẩm, dược phẩm, điện - điện tử, thiết bị, hàng gia dụng, sản phẩm gỗ, thủ công mỹ nghệ, bao bì - nhựa, vật liệu xây dựng, may mặc, giày dép, phụ tùng ô tô; đồng thời phát triển cảng cạn, công nghiệp xanh, công nghiệp hỗ trợ và chuỗi sản phẩm, khuyến khích chuyển đổi số, khu công nghiệp sinh thái, tuần hoàn và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Hiện có 01 KCN Long Giang với 540 ha, thu hút 64 dự án, tổng vốn đầu tư 60.068,27 tỷ đồng**.** Hiện tại, đang rà soát về vị trí các KCN, CCN để thuận lợi trong công tác kêu gọi đầu tư hạ tầng các KCN, CCN trong vùng.

Tỉnh đã chỉ đạo định hướng hình thành Khu kinh tế ven biển Gò Công (khoảng 26.700 ha). Đến nay, Đề án thành lập Khu kinh tế ven biển Gò Công đã trình UBND tỉnh xem xét chủ trương; đồng thời chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trình Bộ Xây dựng thẩm định, kết hợp với các địa phương việc rà soát quy hoạch phân khu đô thị. Hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Bến cảng Thường Phước 1, Thường Phước 2, hiện đang trong quá trình thẩm định.

Cùng với phát triển các vùng công nghiệp, tỉnh thẩm định chặt chẽ các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, không tiếp nhận các dự án công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, tiềm ẩn nguy cơ gây bất ổn xã hội. Trong năm 2026, tỉnh thu hút **17** dự án mới với tổng vốn đăng ký **8.689,2 tỷ đồng**, gồm **12** dự án trong nước với **4.968** tỷ đồng và 05 dự án đầu tư nước ngoài với **146 triệu USD;** điều chỉnh vốn **19** dự án với tổng vốn điều chỉnh **2.189** tỷ đồng. Đồng thời, chủ động nắm tình hình, phòng ngừa, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp lao động, đình công, lãn công trái pháp luật.

Đối với khu vực ven đô thị và nông thôn có tiềm năng, tỉnh tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật, thúc đẩy người dân đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh nhỏ và phát triển tiểu thủ công nghiệp. Trong năm 2026, tỉnh tập trung hoàn thiện cơ chế triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 – 2030 *(về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)*. Trên cơ sở Bộ tiêu chí xã nông thôn mới vừa ban hành, tỉnh đã phân loại 82 xã thành 21 xã nhóm 1 và 61 xã nhóm 2 để

làm căn cứ xây dựng lộ trình và bố trí nguồn lực đầu tư phù hợp. Theo kết quả rà soát sơ bộ, các xã trên địa bàn hiện đạt bình quân khoảng 2,5 tiêu chí/xã và đến nay chưa có xã nào được công nhận đạt chuẩn theo bộ tiêu chí mới, so với mục tiêu năm 2026 là đạt ít nhất 15 xã. Trước tình hình đó, Tỉnh đang khẩn trương khảo sát hiện trạng, phân bổ nguồn vốn và hướng dẫn các địa phương đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện từng tiêu chí.

Cùng với đó, công tác đào tạo lao động nông nghiệp, bảo tồn và phát triển làng nghề tiếp tục được triển khai nhằm nâng cao năng lực cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ. Hạ tầng cấp nước dân sinh tiếp tục được quan tâm, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đã đạt 100%, trong đó tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn đề ra đạt 97,95%.

2.3 Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách cho phát triển công nghiệp

Tỉnh đã bám sát và triển khai có hiệu quả các định hướng của Trung ương về phát triển công nghiệp quốc gia, đồng thời giao sở Tài chính khẩn trương nghiên cứu, xây dựng Cổng một cửa đầu tư cấp tỉnh cùng với việc tiếp nhận, thẩm định các dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp nhằm thu hút mạnh mẽ các dự án FDI, DDI, công nghệ cao và chế biến chế tạo. Công tác cải cách hành chính và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh thông qua việc thực hiện các nghị quyết về khuyến công, xúc tiến thương mại, đã hỗ trợ **05** doanh nghiệp tham gia xúc tiến thương mại với số tiền **117.568.000** đồng; đồng thời tỉnh tiếp tục đẩy mạnh chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn hỗ trợ xây dựng **27** Dự án/kế hoạch liên kết do HTX/công ty làm chủ trì đăng ký, ước tổng kinh phí hỗ trợ **9.754 triệu đồng**.

Bên cạnh đó, tỉnh ban hành Kế hoạch số 368/KH-UBND ngày 29/3/2026 về nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 – 2030 và đã tổ chức **02** Hội nghị tập huấn hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện áp dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa gắn với mã sản phẩm, định danh sản phẩm tại phường Mỹ Tho và phường Cao Lãnh; tổ chức **02** Hội nghị tập huấn đào tạo về các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật liên quan, trong năm 2026 đã hỗ trợ **06** doanh nghiệp xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015; **24** doanh nghiệp xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018; **02** doanh nghiệp xây dựng và áp dụng 7 tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc gia với với tổng kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ giải ngân năm 2026 là **4.704.713.000 đồng**.

Đồng thời, các cơ chế tài chính và đổi mới công nghệ sản xuất và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm cũng tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn

lực hỗ trợ, tiêu biểu như việc hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho **25** hồ sơ với tổng kinh phí **180.000.000 đồng** theo Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND và hỗ trợ **28** doanh nghiệp *(hỗ trợ cho 25 doanh nghiệp về việc mua sắm giải pháp phần mềm công nghệ số và 03 doanh nghiệp về bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích)* với tổng số tiền **215.000.000** đồng theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 750/KH-UBND ngày 25/5/2026 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030 nhằm xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, làm cơ sở triển khai đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2026, công tác cải cách hành chính đạt nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực: cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn phát sinh trong quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp, từ đó nâng cao rõ rệt chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp.

2.4 Hoàn thiện hạ tầng hỗ trợ phát triển công nghiệp

Đảng ủy UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương huy động tối đa các nguồn lực, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương triển khai đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, từng bước tháo gỡ về điểm nghẽn, tạo bước đột phá trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông gắn với quy hoạch các khu, cụm công nghiệp và đô thị trên địa bàn tỉnh; kết nối các hành lang kinh tế, vùng kinh tế động lực của tỉnh; các khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển gắn với Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể hóa Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 17/7/2026 của Tỉnh ủy về phát triển hạ tầng giao thông giai đoạn 2026–2030, Đảng ủy đã lãnh đạo UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy "Thống nhất chủ trương về phương án phát triển tuyến giao thông kết nối từ khu vực Cao Lãnh đến khu vực biển Gò Công tăng cường liên kết vùng, định hướng kết nối với thành phố Hồ Chí Minh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực Cao Lãnh - Mỹ An - Tân Phước - Mỹ Tho và khu vực biển Gò Công"; kiến nghị Bộ Xây dựng thống nhất đầu tư nâng cấp mở rộng đoạn Mỹ An – Cao Lãnh lên 04 làn xe hoàn chỉnh; đồng thời, sớm đầu tư hoàn thành cao tốc Mỹ An – Cao Lãnh nhất là đoạn 3,5km từ Quốc lộ 30 đến nút giao cao tốc Cao Lãnh – An Hữu; sớm phối hợp hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư đoạn Đức Hòa – Mỹ An; dự án nâng cấp, mở rộng cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương – Mỹ Thuận; thống nhất triển khai hạng mục cầu vượt Quốc lộ 1 tại ngã tư Đồng Tâm; phối hợp với thành phố Hồ Chí Minh đầu tư cầu Soài Rạp kết tuyến đường ven biển để định hướng kết nối Cần Giờ, Vũng Tàu.

Đi đôi với giao thông, công tác lãnh đạo phát triển hạ tầng công nghiệp cũng được đẩy mạnh nhằm hoàn thiện hạ tầng và gia tăng tỷ lệ lấp đầy tại các khu, cụm công nghiệp hiện hữu *(gồm 06 KCN 183 số dự án với tỷ lệ lấp đầy 93,14% và 17 CCN thu hút 126 dự án với tỷ lệ lấp đầy 71,34%)*. Trong đó, tập trung cải thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung, tháo gỡ vướng mắc giải phóng mặt bằng tại KCN Bình Đông, thúc đẩy tiến độ đưa các KCN Tân Phước 1 (đã khởi công, dự kiến thu hút dự án thứ cấp vào quý I/2027), Soài Rạp, Tân Kiều đi vào hoạt động; đồng thời chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế khẩn trương hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư cho chuỗi KCN Tân Phước 2 đến 5, Phú Tân, Sông Hậu 2, Cao Lãnh II, III và Hòa Tân; tỉnh đã ban hành Kế hoạch phát triển cụm công nghiệp giai đoạn 2026 - 2030; rà soát quy hoạch, mời gọi đầu tư và hỗ trợ hoàn thiện thủ tục thành lập, mở rộng, điều chỉnh các cụm công nghiệp. Ngày 25/9/2026, đã khởi công Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thạnh Tân. Đồng thời, tiếp tục tập trung tháo gỡ vướng mắc về thủ tục đầu tư, đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng và hạ tầng kết nối tại 04 cụm công nghiệp: Mỹ Phước Tây, Tiểu thủ công nghiệp, Định An và An Hòa. Các dự án này đang tiếp tục hoàn thiện thủ tục để đủ điều kiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật *(tiến độ triển khai các KCN, CCN theo phụ lục 2 đính kèm)*.

Bên cạnh đó, việc phát triển đồng bộ hạ tầng thông tin truyền thông, cấp thoát nước và logistics được triển khai quyết liệt: giao Sở Khoa học và Công nghệ công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực công nghiệp công nghệ số; xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Khu Công nghệ số tập trung Mekong; Đã phối hợp với đơn vị Tư vấn lập Phương án phát triển hạ tầng cấp nước; thoát nước, xử lý nước thải và chống ngập lụt tích hợp vào quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phê duyệt chi phí lập quy hoạch phân khu 1/2000 cảng tổng hợp Gò Công; định hướng phát triển hạ tầng cảng biển dọc sông Soài Rạp gồm cảng tổng hợp Gò Công, cảng hàng lỏng/khí Soài Rạp, cảng xăng dầu Soài Rạp – Hiệp Phước và cảng tổng kho dầu khí Soài Rạp Nam Sông Hậu Petro; ban hành Kế hoạch số 1338/KH-UBND về phát triển dịch vụ logistics giai đoạn 2026–2035.

Mặt khác, công tác bảo đảm năng lượng phục vụ sản xuất cũng được chú trọng thông qua việc ngành điện đã đóng điện và đưa vào vận hành hàng loạt công trình quan trọng. Cụ thể gồm: lộ ra 110kV trạm 220kV Hồng Ngự *(chiều dài 6,26 km)*; lộ ra 110kV trạm 220kV Gò Công *(chiều dài 2x0,4 km và 4x3 km)*; lộ ra 110kV trạm 220kV Cái Bè tại huyện Tân Phước với đường dây 04 mạch chuyển tiếp trên đường dây 02 mạch KCN Tân Phước 1 - trạm 110kV Tân Phước - Phú

Cường - Mỹ Hội - Mỹ Thuận *(chiều dài 1 km)*; đường dây 110kV Hồng Ngự - Vĩnh Hưng *(chiều dài 27,8 km)*; cải tạo và nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Cao Lãnh - Tháp Mười *(chiều dài 23 km)*; cùng với công trình cải tạo, nâng cấp đường dây 110kV trạm Cao Lãnh - Trần Quốc Toản *(chiều dài 12,9 km)*.

2.5 Cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng tăng hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng

Thực hiện vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quán triệt và triển khai quyết liệt Nghị quyết số 06-NQ/TU nhằm cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng tăng hàm lượng công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao giá trị gia tăng. Trong đó, Đảng ủy UBND tỉnh tập trung chỉ đạo chuyển dịch mạnh mẽ từ xuất khẩu nông - thủy sản thô sang sơ chế, chế biến sâu. Thông qua các chương trình khuyến công, tỉnh đã phê duyệt **08** đề án khuyến công địa phương hỗ trợ cho **21** đơn vị thụ hưởng với tổng kinh phí **4.199 triệu đồng**, cùng **01** đề án khuyến công quốc gia hỗ trợ cho **03** đơn vị thụ hưởng với kinh phí **900 triệu đồng**. Để nâng cao năng lực công nghệ và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, tỉnh đã chỉ đạo ban hành Kế hoạch số 351/KH-UBND về đánh giá trình độ công nghệ doanh nghiệp, đồng thời tổ chức Cuộc thi Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo năm 2026 thu hút **147 dự án** tham gia theo chủ đề *"Khởi nghiệp xanh - Công nghệ số - Phát triển bền vững"*. Bên cạnh việc phát triển các sản phẩm chế biến sâu từ nguồn nguyên liệu thế mạnh địa phương như lúa gạo, sen, xoài, rau quả, các dự án đã tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời tận dụng phụ phế phẩm nhằm giảm thiểu ô nhiễm và phát triển chuỗi giá trị theo hướng kinh tế xanh, tuần hoàn.

Cùng với phát triển công nghiệp, tình hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh trong năm 2026 cũng ghi nhận nhiều kết quả tích cực trên các ngành hàng chủ lực. Ở ngành hàng cây lúa, có **40** Hợp tác xã (HTX) và **34** Tổ hợp tác (THT) thực hiện liên kết qua hợp đồng với các doanh nghiệp, HTX và thương lái trong, ngoài tỉnh; quy mô liên kết đạt **20.291,8 ha** trên tổng diện **tích 455.264 ha**, với tổng sản lượng tiêu thụ đạt **140.673 tấn**; cây ăn trái, có **19** HTX, **3** THT và nông dân liên kết tiêu thụ với các doanh nghiệp và vựa trái cây, đạt diện tích khoảng **4.957,8 ha** và sản lượng ước khoảng **80.000 tấn**; rau màu, có **10** HTX và **3** THT tham gia chuỗi liên kết với diện tích khoảng **391 ha**, sản lượng khoảng **9.000 tấn**. Trong khi đó, ở ngành hàng hoa kiểng, **02** đơn vị[2] cung ứng bình quân **150.000 cây giống** mỗi năm cho các thành viên; thủy sản, có HTX SX và DV Thủy sản Châu Thành với vùng nuôi **24 ha**, sản lượng ước đạt **12.000 tấn** liên kết cùng Công ty Cỏ May, HTX NN Cá cảnh Miền Tây liên kết với Cơ sở Hai Nhìn và Thắm Thịnh trên diện tích 5 ha, sản lượng cung ứng đạt 2.000 con cá giống, tổ chức **01** Hội nghị kết nối tiêu thụ lúa gạo nhằm định hướng thị trường, tạo cầu nối

[2] HTX Hoa kiểng Tân Quy Đông và HTX DVNN CNC Tân Quy Tây

cho các HTX tiếp cận doanh nghiệp cung ứng đầu vào và tiêu thụ đầu ra để gia tăng giá trị chuỗi sản xuất.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy Đồng Tháp về việc nghiên cứu phát triển ngành công nghiệp đóng tàu phù hợp với lợi thế giao thông đường thủy, Sở Xây dựng đã phối hợp khảo sát hiện trạng, lấy ý kiến các đơn vị liên quan và hoàn chỉnh dự thảo Đề án Phát triển Ngành đóng tàu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026–2050. Tuy nhiên, do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đang xây dựng *"Đề án nâng cao năng lực các doanh nghiệp đóng tàu trong nước giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050"* để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Sở Xây dựng đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thường trực và Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất phương án: Chờ sau khi Đề án của Trung ương được phê duyệt, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Xây dựng cập nhật, hoàn thiện và trình ban hành Đề án của tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất và phù hợp với thực tiễn địa phương *(theo Tờ trình số 692-TTr/ĐU ngày 03/9/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh).*

Song song đó, tỉnh tổ chức **02** Hội nghị gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp, hợp tác xã với tổng số đại biểu tham dự khoảng **200** đại biểu[3]. Qua đó, đã tiếp nhận **62** nội dung kiến nghị từ **52** doanh nghiệp *(chủ yếu liên quan đến tiếp cận vốn tín dụng, đất đai, thủ tục hành chính, thuế, bảo hiểm xã hội, lao động và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp...)* và chỉ đạo các sở, ngành giải quyết theo thẩm quyền. Nhờ sự chỉ đạo đồng bộ, cơ cấu công nghiệp của tỉnh đã chuyển biến rõ nét, cụ thể: chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2026 ước tăng **13,5%.** Trong đó, các mặt hàng chế biến sâu và công nghệ cao đạt mức tăng trưởng tích cực: thủy sản đông lạnh chế biến ước đạt 735.000 tấn, **tăng 9,38%,** gạo ước đạt 2.500 ngàn tấn, **tăng 9,03%**, thức ăn chăn nuôi ước đạt 3.900 ngàn tấn, **tăng 10,6%**, sản phẩm từ plastic **tăng 13,5%** và ống và các sản phẩm đồng, nhôm **tăng 11,5%**, tiếp tục khẳng định vai trò nòng cốt của ngành chế biến, chế tạo của tỉnh đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh *(các sản phẩm công nghiệp chủ yếu theo phụ lục 3 đính kèm).*

2.6 Xúc tiến, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp

Công tác xúc tiến và thu hút đầu tư của tỉnh được đẩy mạnh với nhiều kết quả tích cực nhờ sự chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, đổi mới phương thức quảng bá và triển khai hiệu quả các chính sách đầu tư. Tiêu biểu là Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch Xúc tiến đầu tư năm 2026[4] cùng dự kiến Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2027 để giới thiệu mạnh mẽ tiềm năng, thế mạnh của địa phương đến các nhà đầu tư. Đồng thời, tỉnh đã hoàn thành biên soạn, thiết kế

[3] Hội nghị ngày 19/5/2026 có khoảng 150 doanh nghiệp, hợp tác xã tham dự; Hội nghị tháo gỡ khó khăn ngày 25/6/2026 có khoảng 50 doanh nghiệp

[4] Kế hoạch số 915/KH-UBND ngày 17/6/2026 của UBND tỉnh về Xúc tiến đầu tư tỉnh Đồng Tháp năm 2026

và xin giấy phép in ấn, xuất bản Bộ tài liệu xúc tiến đầu tư tỉnh Đồng Tháp đa ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung), tích hợp Danh mục 89 dự án thuộc các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư theo các hình thức đấu giá, đấu thầu và pháp luật chuyên ngành.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 04/7/2023 triển khai Quyết định số 308/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 – 2030; đồng thời tham mưu, cung cấp thông tin về tình hình thu hút đầu tư nước ngoài phục vụ công tác xúc tiến với các đối tác quốc tế. Thời gian qua, tỉnh đã tổng hợp thông tin hợp tác với các quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Pháp, Hà Lan; qua đó đề xuất tăng cường kết nối, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm như công nghiệp chế biến, chế tạo, chế biến nông - thủy sản và thực phẩm. Nhờ môi trường đầu tư tiếp tục được duy trì và phát triển, hình ảnh của tỉnh ngày càng thu hút nhiều nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội hợp tác. Ước tính trong năm 2026, tỉnh thu hút được **17** dự án mới với tổng vốn đăng ký **8.689,2 tỷ đồng**: gồm **12** dự án trong nước với **4.968 tỷ đồng** và **05** dự án đầu tư nước ngoài (FDI) với **146,3 triệu USD**; đồng thời điều chỉnh vốn cho 19 dự án với tổng vốn điều chỉnh 2.189 tỷ đồng. Song song với đó, công tác liên kết vùng cũng được đẩy mạnh thông qua việc ký kết thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2026 - 2030, chú trọng kết nối cung cầu và phối hợp chặt chẽ với các địa phương tiếp giáp như An Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Tây Ninh để mở rộng không gian phát triển bền vững và thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm công nghiệp của tỉnh.

2.7 Việc mở rộng thị trường, gia tăng xuất khẩu:

Thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn mới, tỉnh đã chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới thông qua việc tổ chức **03** hội thảo, hội nghị chuyên đề về Xu hướng thuế quan Hoa Kỳ 2026, Nghị định 280 của GACC Trung Quốc và công cụ phòng vệ thương mại trong bối cảnh thực thi Hiệp định RCEP. Nhằm đồng hành và hỗ trợ doanh nghiệp, Sở Công Thương đã triển khai Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND và Kế hoạch số 81/KH-UBND; trong đó đợt 1 đã hỗ trợ **05** doanh nghiệp với kinh phí **117.568.000 đồng**, đồng thời hoàn thiện dự thảo Đề án xuất khẩu các sản phẩm chủ lực của tỉnh đến năm 2030. Bên cạnh việc mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua việc tham gia **03** hội chợ quốc tế tại nước ngoài với **08** gian hàng[5]; công tác khai thác thị trường nội địa và liên kết tiêu thụ

[5] **(1)** Hội chợ Thương mại, Du lịch Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam năm 2026 tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; **(2)** Chương trình Thaifex Anuga Asia 2026: Hội chợ chuyên ngành Thực phẩm và Đồ uống hàng đầu Châu Á tại Bangkok, Thái Lan; **(3)** Hội chợ thương mại ASEAN - Trung Quốc lần thứ 23 (CAEXPO 2026) tại Trung tâm Triển lãm Quốc tế Nam Ninh, Quảng Tây Trung Quốc

sản phẩm cũng được đẩy mạnh hiệu quả qua việc tham gia **04** hội chợ triển lãm quốc tế tổ chức trong nước với **14** gian hàng[6], tổ chức và tham gia **13** sự kiện, hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu, trưng bày giới thiệu sản phẩm[7], trong đó gian hàng chung của tỉnh tại các sự kiện trên thu hút hơn **200** doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất của Tỉnh *(trong đó có hơn 85 doanh nghiệp tham gia trực tiếp)* tham gia trưng bày các sản phẩm nông sản, trái cây đặc trưng của tỉnh *(Xoài cát Hòa Lộc, sầu riêng, Bưởi da xanh, chanh, ớt, cam, quýt,…)*, và hơn **600** sản phẩm đặc trưng tiêu biểu của Tỉnh và các sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên *(Nem, trà mãng cầu xiêm, Bột dinh dưỡng, Bánh gạo, Snack các loại, bánh phồng tôm, Socola,…), sản phẩm từ sen (hạt sen, trà sen hồng, trà tâm sen…)*, sản phẩm thủ công *(Nón cỏ bàn, khăn choàng, xơ mướp,…)* và các sản phẩm tiêu biểu khác của Tỉnh; phối hợp tổ chức Phiên chợ OCOP xã Lai Vung (**30** gian hàng), cùng **02** hội nghị: Xúc tiến thương mại, thúc đẩy xuất nhập khẩu khu vực miền Nam với sự tham dự của **250** đại biểu và kết nối giao thương mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm giữa 02 tỉnh Lâm Đồng và Đồng Tháp. Song song đó, hoạt động phát triển thương mại điện tử được triển khai mạnh mẽ với **06** lớp tập huấn[8], **01** hội nghị[9] chuyên đề, thu hút khoảng **530** lượt đại biểu tham dự; phối hợp tổ chức các phiên

---

[6] **(1)** Hội chợ thương mại quốc tế Việt Nam lần thứ 35 (VIETNAM EXPO 2026) tại Trung tâm Triển lãm Việt Nam (VEC), Đông Anh, Hà Nội; **(2)** Triển lãm Quốc tế ngành Lương thực thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 5 năm 2026 (HCMC FOODEX 2026) tại Thành phố Hồ Chí Minh; **(3)** Sự kiện Kết nối chuỗi cung ứng hàng hóa quốc tế - Vietnam International Sourcing 2026 tại Thành phố Hồ Chí Minh; (4) Hội chợ Triển lãm Nông nghiệp Quốc tế **AgroViet 2026** (lần thứ 26) tại Hà Nội.

[7] **(1)** Tổ chức hoạt động trưng bày - kết nối nhân dịp Họp mặt đồng hương Đồng Tháp tại Thành phố Hồ Chí Minh mừng Xuân Bính Ngọ 2026 tại Thành phố Hồ Chí Minh; **(2)** Tổ chức Hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại trái cây, các sản phẩm từ trái cây và sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Quảng trường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh *(Hoạt động thuộc sự kiện Lễ Hội trái cây Đồng Tháp lần thứ I)*; **(3)** Tổ chức Không gian triển lãm, trưng bày chuỗi giá trị ngành hàng sen; sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng vùng miền trong khuôn khổ Lễ hội Sen Đồng Tháp lần thứ III năm 2026; **(4)** Tham gia Hội chợ Mùa Xuân lần thứ nhất năm 2026 tại Trung tâm Triển lãm Việt Nam (VEC), Đông Anh, Hà Nội; **(5)** Trưng bày, giới thiệu sản phẩm đặc trưng của tỉnh Đồng Tháp tại Chợ Hoa tết Bình Đông Xuân Bính Ngọ năm 2026 tại Thành phố Hồ Chí Minh; **(6)** Tham gia Hội chợ thương mại Festival Huế năm 2026 tại thành phố Huế; **(7)** Hỗ trợ Hội nông dân tỉnh tham gia trưng bày nông sản tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2026-2031 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội; **(8)** tổ chức "Không gian trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của địa phương" trong khuôn khổ Lễ giỗ ông, bà Đỗ Công Tường lần thứ 206, năm 2026 tại phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; **(9)** Tham dự Diễn đàn hợp tác địa phương Việt - Nhật năm 2026 tại thành phố Huế; **(10)** Thực hiện Khu trưng bày, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa đặc trưng của tỉnh Đồng Tháp tại Thành phố Hồ Chí Minh tại Hội nghị tổng kết thực hiện thỏa thuận hợp tác KTXH giữa TPHCM với các tỉnh ĐBSCL và ĐNB, từ ngày 17/9 - 18/9/2026**;** (11) Tham gia Chương trình kết nối cung - cầu giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành năm 2026; (12) Thực hiện trưng bày tại chương trình Họp mặt Ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10; (13) Tham gia Hội chợ hàng Việt Nam xuất khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026.

[8] 02 lớp tập huấn chuyên đề *"Cầm tay chỉ việc - Setup & Bán hàng thương mại điện tử cho Doanh nghiệp Đồng Tháp"* (190 đại biểu); 01 lớp tập huấn ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh cho đại diện doanh nghiệp, chủ thể OCOP và tiểu thương (120 đại biểu); 01 lớp tập huấn (kết hợp hình thức trực tiếp và trực tuyến) đào tạo nguồn nhân lực TMĐT cho các chủ thể kinh doanh, chủ thể OCOP và cán bộ, công chức cấp xã (120 đại biểu dự trực tiếp và 20 xã dự trực tuyến với hơn 500 đại biểu tham dự); 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng về Kỹ năng kết hợp hiệu quả giữa kênh bán hàng truyền thống và hiện đại, tích hợp thanh toán điện tử; về Kỹ năng xây dựng và phát triển chiến lược Marketing 4P trong kỷ nguyên số với 140 đại biểu tham dự.

[9] Hội nghị "Giải pháp thúc đẩy phát triển thương mại điện tử bền vững tại khu vực Nam bộ" với khoảng 100 đại biểu tham dự.

livestream bán nông sản trên Shopee, TikTok Shop và VneTrip thu hút **hơn 6,5 triệu** lượt theo dõi và chốt hàng ngàn đơn hàng. Ngoài ra, tỉnh đẩy mạnh công tác hướng dẫn, cấp tài khoản cho các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng Hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh http://trace.dacsandongthaptxng.vn. Tính đến nay, đã hỗ trợ cấp tài khoản cho **75** doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để cập nhật thông tin và tạo mã QR truy xuất minh bạch cho **462** sản phẩm, đồng thời duy trì và mở rộng hiệu quả mô hình chợ thanh toán không dùng tiền mặt tại **71** chợ trên địa bàn.

2.8 Về phát triển nguồn lực lao động

Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo, lãnh đạo UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 828/KH-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2026 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2026 - 2030. Theo đó, công tác tham mưu và triển khai kế hoạch tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực công nghệ sau thu hoạch, công nghệ thực phẩm, chế biến nông sản thông minh, cùng các ngành trọng điểm như công nghệ thông tin, y tế, giáo dục, logistics và quản lý công. Kế hoạch cũng chú trọng nghiên cứu, hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa dạng ngành, nghề đào tạo nhằm góp phần phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp; đồng thời nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nhằm tạo ra nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng làm chủ và tiếp nhận các công nghệ sản xuất mới. Bên cạnh đó, chương trình giáo dục nghề nghiệp và đại học được đổi mới gắn với nhu cầu phát triển của tỉnh, chú trọng kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, công nghệ thông tin; tăng cường liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp, các viện, trường lớn trong và ngoài nước.

III-ĐÁNH GIÁ CHUNG, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Ưu điểm

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU được Đảng ủy UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, bám sát mục tiêu, định hướng và các nhiệm vụ, giải pháp đề ra. Công tác cụ thể hóa Nghị quyết được triển khai kịp thời thông qua Kế hoạch số 253/KH-UBND và các kế hoạch, chương trình có liên quan; các sở, ban, ngành, địa phương từng bước cụ thể hóa thành nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý, tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện.

- Ngành Công nghiệp tỉnh tiếp tục phát huy vai trò là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương. Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực công nghiệp được triển khai bám sát chỉ đạo của Trung ương và UBND tỉnh, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, duy trì ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh và thị trường hàng hóa. Các chỉ tiêu chủ yếu của ngành tăng trưởng tích cực, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò chủ lực

trong sản xuất công nghiệp, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế. Trong năm, GRDP công nghiệp ước tăng 13,31%; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 13,5%. Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực, chế biến sâu và công nghệ cao tiếp tục tăng trưởng tích cực. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm công nghiệp ước cả năm đạt 10 tỷ USD.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết được triển khai sâu rộng đến cấp cơ sở, hình thức triển khai phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua công tác tuyên truyền, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí của ngành công nghiệp có chuyển biến tích cực.

- Công tác quy hoạch, tổ chức không gian phát triển công nghiệp có bước chuyển biến rõ nét, từng bước gắn phát triển công nghiệp với lợi thế của từng hành lang kinh tế, vùng nguyên liệu, hệ thống giao thông và logistics. Việc định hướng các vùng công nghiệp, khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp và các ngành, lĩnh vực ưu tiên đầu tư tạo cơ sở cho thu hút đầu tư và mở rộng không gian phát triển công nghiệp của tỉnh.

- Hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp tiếp tục được quan tâm đầu tư, nhất là hạ tầng giao thông kết nối, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, năng lượng, cấp nước và logistics. Một số dự án, công trình hạ tầng quan trọng được triển khai, đồng thời tỉnh tập trung tháo gỡ khó khăn về thủ tục đầu tư, đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng và hạ tầng kết nối đối với các khu, cụm công nghiệp.

- Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và mở rộng thị trường tiếp tục được đẩy mạnh.

- Công tác liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm được quan tâm; hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thương mại điện tử và kết nối thị trường được triển khai đa dạng, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất mở rộng thị trường, nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm.

- Các chính sách của Trung ương và địa phương được các cấp, các ngành và địa phương triển khai thực hiện nhanh chóng, kịp thời đến doanh nghiệp.

2. Hạn chế

- Công tác quy hoạch, đầu tư phát triển hạ tầng và thu hút đầu tư vào khu, cụm công nghiệp còn gặp khó khăn; việc triển khai quy hoạch một số KCN, CCN chưa kịp thời, tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng tại một số dự án còn chậm (KCN Tân Kiều, KCN Bình Đông, KCN Tân Phước 2, KCN Dịch vụ dầu khí Soài Rạp, CCN Định An, CCN An Hòa, CCN Mỹ Phước Tây, CCN Tiểu thủ công nghiệp). Hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào KCN chưa được đầu tư đồng bộ; hạ tầng xã hội, nhà ở công nhân và các công trình an sinh xã hội phục vụ đời sống người lao động chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

- Quá trình tái cơ cấu ngành công nghiệp còn chậm, phát triển chưa đồng đều; tỷ trọng các ngành công nghiệp công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn còn thấp. Sản phẩm công nghiệp chưa đa dạng, trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp chủ lực còn ở mức trung bình, quy mô sản xuất còn nhỏ, chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về cơ cấu ngành và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp.

- Giá trị gia tăng còn thấp và tỷ lệ gia công vẫn cao. Sự đa dạng hóa sản phẩm còn hạn chế, khiến Ngành dễ bị tổn thương trước biến động thị trường và rào cản thương mại.

3. Nguyên nhân

3.1 Nguyên nhân khách quan:

Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; xung đột thương mại và bất ổn địa chính trị tác động đến hoạt động thương mại quốc tế. Nhu cầu tiêu dùng tại một số thị trường xuất khẩu chủ lực suy giảm, ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ và đơn đặt hàng của doanh nghiệp. Đồng thời, giá nguyên, nhiên liệu, vật tư cùng chi phí vận chuyển và logistics thường xuyên biến động, làm gia tăng chi phí đầu vào và gây áp lực lên hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Việc triển khai các dự án khu, cụm công nghiệp chịu tác động bởi nhiều yếu tố liên quan đến trình tự, thủ tục đầu tư, đất đai, quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng và yêu cầu về nguồn vốn đầu tư hạ tầng.

- Tiềm lực thu hút đầu tư của tỉnh còn hạn chế; hiệu quả khai thác hạ tầng và sử dụng đất tại một số KCN, CCN chưa cao. Một số dự án đã được giao đất nhưng chậm triển khai hoặc không đầu tư, trong khi công tác kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện tại một số ngành, địa phương chưa thường xuyên, chưa kịp thời có giải pháp xử lý, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng quỹ đất công nghiệp và cơ hội thu hút các nhà đầu tư khác. Bên cạnh đó, việc chủ động tham mưu, phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các chính sách đã ban hành có lúc chưa kịp thời, dẫn đến tiến độ triển khai một số chính sách còn chậm.

- Công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp gặp nhiều khó khăn; các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp phần lớn là vừa và nhỏ, việc thu hút, kêu gọi đầu tư các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp lớn để dẫn dắt ngành hàng còn hạn chế, chưa thúc đẩy để nâng tỷ trọng ngành công nghiệp như mong muốn.

- Các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đã được ban hành tương đối đầy đủ, bao quát nhiều lĩnh vực; tuy nhiên, hiệu quả triển khai và mức độ tác động của các chính sách đối với việc thúc đẩy đầu tư, mở rộng sản xuất và phát triển ngành công nghiệp còn chưa rõ nét.

- Việc chuyển giao và quản lý ứng dụng kết quả khoa học công nghệ sử dụng vốn nhà nước sau chuyển giao chưa hiệu quả, do thiếu các quy định chính sách, pháp lý cụ thể; khả năng tài chính của nhiều doanh nghiệp còn hạn chế, nên tỉ lệ đầu tư đổi mới công nghệ chưa tương xứng với yêu cầu; việc ứng dụng, nhân rộng các mô hình, sản phẩm công nghiệp công nghệ cao và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị chưa được đẩy mạnh.

- Nguồn lao động chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của doanh nghiệp, nhất là lao động có tay nghề cao, chuyên môn sâu và kỹ năng ngoại ngữ. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong công tác đào tạo, tuyển dụng và sử dụng lao động chưa chặt chẽ; một số chương trình đào tạo chưa sát với nhu cầu thực tế, dẫn đến tình trạng thiếu hụt lao động phù hợp cả về số lượng và chất lượng, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Công tác nắm bắt, dự báo và chủ động định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp tại một số đơn vị, địa phương chưa sát thực tế. Công tác chuẩn bị các điều kiện để triển khai các dự án kêu gọi đầu tư còn bị động.

IV- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Đảng uỷ UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tập trung thực hiện:

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU và Kế hoạch số 253/KH-UBND, tập trung thực hiện đồng bộ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển công nghiệp giai đoạn 2025–2030; nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, trách nhiệm của các cấp, các ngành và địa phương, bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Tập trung thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu năm 2026 và từng bước thu hẹp khoảng cách với mục tiêu tăng trưởng bình quân 14,5%/năm giai đoạn 2025–2030. Trong đó, chú trọng các ngành chế biến, chế tạo, các sản phẩm công nghiệp chủ lực, chế biến sâu nông, thủy sản, các ngành có lợi thế và các sản phẩm có khả năng tạo giá trị gia tăng cao; kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả Phương án phát triển, bố trí không gian ngành công nghiệp giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2050; phát triển công nghiệp gắn với lợi thế của từng hành lang kinh tế, vùng công nghiệp, vùng nguyên liệu, hệ thống giao thông và logistics; từng bước hình thành các không gian phát triển công nghiệp có tính liên kết, chuyên môn hóa và có khả năng thu hút các dự án quy mô lớn.

- Tập trung hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối và hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; đẩy nhanh tiến độ các dự án đang triển khai, nhất là các khu, cụm công nghiệp đã có định hướng và đang hoàn thiện thủ tục đầu tư. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn về đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư và hạ tầng kết nối; nâng cao tỷ lệ lấp đầy và hiệu quả khai thác các khu, cụm công nghiệp hiện có, đồng thời chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phát triển các khu, cụm công nghiệp mới theo quy hoạch.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao hiệu quả xúc tiến và thu hút đầu tư theo hướng có chọn lọc, ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, logistics, có giá trị gia tăng cao, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thân thiện với môi trường; đồng thời tiếp tục kiểm soát chặt chẽ các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, công nghệ lạc hậu.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, chuyển đổi số, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ; thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong sản xuất, chế biến và kinh doanh. Khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và tận dụng phụ phẩm, phế phẩm trong quá trình sản xuất.

- Tiếp tục củng cố liên kết giữa vùng nguyên liệu với sản xuất, chế biến và tiêu thụ; nâng cao hiệu quả các chuỗi liên kết sản xuất nông, thủy sản, tăng tỷ lệ sản phẩm được chế biến sâu và nâng cao giá trị gia tăng. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất mở rộng thị trường, phát triển thương mại điện tử, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu và mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng về công nghệ, chế biến, công nghệ thông tin, logistics và các ngành công nghiệp trọng điểm; tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp nhằm nâng cao tính phù hợp giữa đào tạo và nhu cầu sử dụng lao động.

- Tiếp tục tổ chức đối thoại, nắm bắt tình hình và kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU. Đồng thời, tăng cường theo dõi, kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ; kịp thời điều chỉnh, bổ sung giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, phấn đấu thực hiện đạt các mục tiêu phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025–2030.

TM/ BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- Ban Thường vụ ĐU/UBND tỉnh,

- Văn phòng UBND tỉnh,
- Sở, ban, ngành tỉnh,
- Lưu Văn thư Đảng ủy.